TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 15 /2019/TCDS-ST
Ngày 16/4/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Việt Hùng;
Ông Nguyễn Ngọc Phán

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-TCDS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-DS ngày 28/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm 14, xã T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trình Kiên C, sinh năm 1991. Địa chỉ: số 132, đường N, thị trấn Văn Điển, huyện K Trì, thành phố Hà Nội, theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2018 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Kim Thị H, sinh năm 1973 và ông Trần Văn G, sinh năm 1974. Địa chỉ: TDP Cao An, thị trấn S, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (vắng mặt không có lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị K, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm 14, xã T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2013 bà Kim Thị H, ông Trần Văn G có mua gạo của gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị K. Việc mua, bán đến tháng 06 năm 2017 thì chấm dứt. Ông T đã nhiều lần đòi nợ gia đình bà H, ông Gáp tiền mua gạo nhưng bà H, ông G cứ khất lần không trả . Ngày 04 tháng 10 năm 2017 hai bên gia đình ông T và gia đình bà H đã thống nhất thỏa thuận và chốt số tiền nợ, từ năm 2013 đến năm 2017, gia đình bà H, ông G còn nợ ông bà T tổng số tiền là 184.000.000đ, bà H đã nhất trí số nợ trên và ký sổ và đưa cho gia đình ông T giữ và hứa mỗi tháng trả nợ cho gia đình ông T, bà K 5000.000đ, nhưng từ khi ghi nhận nợ với gia đình nhà ông T đến nay gia đình bà H, ông G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã hứa. Do là cơ sở thu mua gạo của nhiều người khác để về bán buôn nên gia đình ông T cần vốn làm ăn, gia đình ông T, bà K đã rất nhiều lần yêu cầu cho bà H, ông G trả nợ số tiền tiền mua hàng nhưng gia đình bà H, ông G không trả. Do đó, ông T đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông G phải có nghĩa vụ trả nợ cho gia đình ông số tiền 184.000.000đ còn nợ, ông không yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày chốt nợ 04/10/2017 đến nay.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Kim Thị H trình bày: Bà H làm nghề làm bún, bà công nhận có mua gạo của gia đình ông T, bà K nhưng mua từ năm 2008 đến năm 2017. Mỗi lần muốn lấy gạo, bà H gọi điện cho bà K đặt trước, sau đó ông T chở gạo đến nhà bà H để giao và bà H, ông G giao tiền. Thời gian đầu, bà H vẫn K toán đầy đủ tiền gạo cho vợ chồng ông T nhưng về sau này do bà H làm ăn khó khăn nên mỗi năm bà khất nợ lại gia đình ông T, bà K một ít tiền. Bà H công nhận bà đã ký sổ nợ với ông T, bà K số nợ mà hai bên đã chốt ngày 04/10/2017 là 184.000.000đ như ông T kê khai ở trên là đúng. Tuy nhiên, thực tế bà H chỉ nợ tiền mua gạo của ông T, bà K từ khoảng 80.000.000đ đến 90.000.000đ tiền gốc, vì không có tiền trả nợ nhiều năm và khất lại nhiều lần gia đình ông T nên khi ông T đòi nợ do không có tiền trả nợ bà đã đồng ý để ông T tính lãi thời gian nợ sau và hai bên chốt nợ, sổ nợ gốc ông T, bà K giữ nên bà H không nhớ chính xác số nợ gốc là bao nhiêu và lãi là bao nhiêu. Nay ông T khởi kiện đòi nợ vợ chồng bà H, bà H không nhất trí trả đúng số nợ 184.000.000đ, bà chỉ chấp nhận trả cho ông T, bà K số nợ gốc là khoảng từ 80.000.000đ đến 90.000.000đ. Về phương thức trả nợ, bà H ý kiến do hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, không có khả năng trả nợ cho ông T, bà K một lần nên gia đình bà H chỉ có thể trả dần một năm từ khoảng 20.000.000đ đến 30.000.000đ cho đến khi hết nợ. Do từ trước đến nay chỉ có một mình bà H giao dịch mua gạo của ông T, bà K. Ông G chồng bà chưa bao giờ giao dịch mua gạo nên ông G không liên quan đến khoản nợ của ông T, bà K. Nay bà H không có có tài liệu, chứng cứ gì nộp cho Tòa án về lời khai của mình, bà H không yêu cầu gì về việc ông T, bà K đã tính lãi cho bà trước khi hai bên chốt nợ ngày 04/10/2017.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị K (vợ ông T) trình bày: Bà nhất trí với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T, bà K không bổ sung gì khác và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn G là chồng bà Kim Thị H đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông G đều vắng mặt không có lý do và không có bản tự khai nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T và ông Trình Kiên C là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 12 năm 2018) có quan điểm giữ nguyên ý kiến lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đã yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết và có ý kiến về việc bà H cho rằng ông G chồng bà H không liên quan đến trách nhiệm trả nợ cho ông T, bà K là không có căn cứ và cho rằng gia đình bà H mua gạo của gia đình ông T về để làm bún bán, đây công việc làm kinh tế nhiều năm với mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình bà H, ông G, khi giao gạo cho gia đình bà H ông G nhiều lần nhận gạo và biết việc mua bán giữa gia đình ông T với gia đình bà H nên ông G cũng phải có trách nhiệm cùng với bà H trả nợ cho ông T, bà K. Và cho rằng Hợp đồng mua bán gạo giữa gia đình ông và gia đình bà H khi giao dịch hai bên thỏa thuận giao hàng thì nhận tiền. Mỗi lần mua gạo, vợ chồng bà H, ông G đặt trước số gạo cần mua và ông T chở gạo đến tận nhà bà H, ông G để giao, khi giao hàng ông G là người tH xuyên nhận hàng do ông giao và bà H là người K toán sổ sách. Đến nay nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc gia đình bà Kim Thị H và ông Trần Văn G phải có nghĩa vụ trả nợ chung số tiền nợ 184.000.000đ cho gia đình ông T, bà K, ông T không yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày chốt nợ 04/10/2017 đến nay.

Tại phiên tòa, ông T và người được nguyên đơn là ông T ủy quyền giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở trên, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự, bà K vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt; bà H, ông G đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà K, bà H, ông G là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do giao dịch mua bán giữa các bên được xác lập từ 2013 đến 04/10/2017 mới kết thúc nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng nợ tiền mua bán gạo", cụ thể là đòi nợ số tiền đã bán gạo cho vợ chồng bà Kim Thị H, ông Trần Văn G, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[3] Về nội dung vụ án: Xét hợp yêu cầu của ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Kim Thị H, ông Trần Văn G trả nợ tiền mua bán gạo làm bún là 184.000.000đ . Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại bản tự khai và lời khai trong biên bản hòa giải bà Kim Thị H thừa nhận có mua bán gạo tẻ về làm bún của gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị K là sự việc có thật, ngày 04/10/2017 hai bên đã chốt số tiền nợ mua bán gạo là 184.000.000đ. Lời thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ cơ sở trên, xác định giữa gia đình ông T, bà K với gia đình bà H có quan hệ giao dịch mua bán gạo được thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Quá trình thực hiện giao dịch mua bán thấy rằng ông T, bà K đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tài sản và bà H, ông G đã nhận nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho gia đình ông T , bà K là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 440 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về thỏa thuận tính tiền lãi: Ông T cho rằng do Bà H, ông G vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền hàng nhiều năm nên khi K toán nợ hai bên có thỏa thuận ông T lấy một năm tiền lãi của số tiền nợ 172.000.000đ là 12.000.000đ bà H, ông G phải trả cho ông T, bà K hai bên đã nhất trí ký nhận và chốt số nợ vào ngày 04/10/2017 trong giấy biên nhận nợ. Bà H đưa ra ý kiến chỉ đồng ý trả ông T, bà K số tiền khoảng 80.000.000đ đến 90.000.000đ tiền gốc không đồng ý trả lãi . Nguyên đơn không không xác nhận nội nội ý kiến bà H đưa ra. Bà H, ông G không yêu cầu Tòa án tính lại lãi do ông T, bà K đã tính trước khi hai bên chốt nợ ngày 04/10/2017 theo quy định của pháp luật, thực tế xem xét ý kiến hai bên thỏa thuận một năm ông T tính lãi cho bà H, ông G là 12.000.000đ trên số tiền 172.000.000đ không vi phạm điều cấm của pháp luật và hai bên đã tự nguyện ký kết nhất trí. Do đó, về lãi suất Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền mua hàng nợ gốc, và nợ lãi như nêu ở trên nên ý kiến của bà H không có cơ sở xem xét.

[5] Về trách nhiệm liên đới: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Kim Thị H, ông Trần Văn G cùng liên đới trả nợ tiền mua hàng làm bún kinh doanh. Thấy rằng bà H công nhận ông G và bà là vợ chồng hợp pháp, bà H khẳng định mục đích bà mua gạo của vợ chồng ông T, bà K về để làm nghề sản xuất bún kinh doanh phục vụ cuộc sống chung gia đình. Xét việc bà H làm bún là việc làm kinh tế nhằm có thu nhập phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, do đó, cần buộc

ông G phải có trách nhiệm cùng với bà H trả nợ số tiền 184.000.000đ cho ông T, bà K là phù hợp.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định việc bà Kim Thị H, ông Trần Văn G có nợ tiền mua gạo của ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị K là sự việc có thật và như vậy yêu cầu đòi nợ của ông T là có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, cần buộc vợ chồng bà Kim Thị H, ông Trần Văn G phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị K số tiền nợ 184.000.000đ là phù hợp với các Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Buộc vợ chồng bà Kim Thị H, ông Trần Văn G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T kiện đòi nợ tiền mua hàng đối với vợ chồng bà Kim Thị H, ông Trần Văn G là hợp pháp.

2. Buộc vợ chồng bà Kim Thị H, ông Trần Văn G phải liên đới K toán trả nợ cho ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị K số tiền nợ mua hàng 184.000.000đ (một trăm tám mươi tư triệu đồng).

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Buộc bà Kim Thị H, ông Trần Văn G phải nộp 9.200.000đ (chín triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000316 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh:
- VKSND huyện + Tỉnh:
- Chi cục THA DS
- UBND thị trấn S:
- Đương sự:
- Hồ sơ vụ án:
- Lưu văn phòng:

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng